**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HÀ TRUNG**
**TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn TQ 3, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Â, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn TQ 1, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017 nguyên đơn là anh Trinh Văn N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Đỗ Thị Â kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/10/2005. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc  được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến đầu năm 2009, chị Â bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì. Anh N đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Â để trở về nơi cư trú giải quyết ly hôn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị Â.

Về con chung*:* Anh Trịnh Văn N khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Trịnh Huy H, sinh ngày 13/3/2007, hiện cháu H đang ở với anh N. Anh N đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu chị Â phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Trịnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ triệu tập chị Đỗ Thị Â đến Tòa án để viết bản khai nhưng chị Â không có mặt, nên không có lời khai của chị Â.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trịnh Văn N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trịnh Văn N cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Đỗ Thị Â đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N và chị Â là phù hợp với quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn N và chị Đỗ Thị Â kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ đầu năm 2009 đến nay, chị Â đi khỏi nơi cư trú không có tin tức gì. Anh N đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Â và được Tòa án chấp nhận. Trong thời gian thông báo tìm kiếm, chị Â vẫn không trở về nơi cư trú để giải quyết ly hôn. Một thời gian dài vợ chồng không chung sống và quan tâm đến nhau, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, giải quyết cho anh N được ly hôn chị Â là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh Trịnh Văn N khai anh và chị Đỗ Thị Â có một con chung, cháu tên là cháu Trịnh Huy H, sinh ngày 13/3/2007. Anh N cũng xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu H, trong đó xác định mẹ của cháu H là chị Đỗ Thị Â. Mặt khác, cháu H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu H là con chung của anh N và chị Â. Từ khi chị Â bỏ đi khỏi nơi cư trú đến nay, cháu H do anh N nuôi dưỡng. Hiện tại cũng không xác định được chị Â ở đâu, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với anh N nên giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc không yêu cầu chị Â phải cấp nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: Anh Trịnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh Trịnh Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn N và chị Đỗ Thị Â.

2. Về con chung: Công nhận anh Trịnh Văn N và chị Đỗ Thị Â có một con chung, cháu tên là Trịnh Huy H, sinh ngày 13/3/2007. Giao cháu H cho N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc không yêu cầu chị Â phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Â có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004703 ngày 20/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị Â có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Hồng**